

KẾT QUẢ KIỂM TRA XÁC NHẬN NĂNG LỰC TIẾNG ANH BẠC 5 (TƯƠNG ĐƯƠNG C1 THEO CEFR)

(Kỳ kiểm tra lần thứ 04, ngày 21/11/2021)

(Ban hành theo Quyết định số ngày tháng năm 2022)

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
1	VHU.TAC1.04.001	208A140026	Huỳnh Thị Châu	Ái	05/09/1978	Tây Ninh	4	10	10	4.5	28.5	7.1	Đạt	
2	VHU.TAC1.04.002	171A140268	Ấu Thanh Bình	An	13/03/1999	Đồng Nai	7	9	10	7	33	8.3	Đạt	
3	VHU.TAC1.04.003	151A140145	Đỗ Gia	An	10/06/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	8.5	9	6	30	7.5	Đạt	
4	VHU.TAC1.04.004	171A140174	Võ Thiên	Ân	14/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	10	10	8	34.5	8.6	Đạt	
5	VHU.TAC1.04.005	161A140300	Đào Thụy Mai	Anh	21/10/1998	TP. Hồ Chí Minh	6.5	7	5.5	6	25	6.3	Đạt	
6	VHU.TAC1.04.006	151A140696	Lương Khiết	Anh	12/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	10	10	7.5	34	8.5	Đạt	
7	VHU.TAC1.04.007	151A070310	Nguyễn Thị Kim	Anh	26/10/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6	9.5	9.5	7	32	8.0	Đạt	
8	VHU.TAC1.04.008	171A140243	Tăng Thoại	Bình	10/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6	10	8.5	7	31.5	7.9	Đạt	
9	VHU.TAC1.04.009	171A140367	Nguyễn Thị Phương	Dan	12/08/1996	Bình Thuận	7	9.5	7	7	30.5	7.6	Đạt	
10	VHU.TAC1.04.010	171A140237	Nguyễn Thị Hồng	Đào	20/02/1999	Long An	5.5	9.5	10	6.5	31.5	7.9	Đạt	
11	VHU.TAC1.04.011	203A140002	Phan Thị	Diễm	06/06/1993	Khánh Hòa	6.5	7.5	6	5.5	25.5	6.4	Đạt	
12	VHU.TAC1.04.012	208A140018	Trần Hoài	Đức	27/12/1979	An Giang	7	10	9.5	8	34.5	8.6	Đạt	
13	VHU.TAC1.04.013	151A140642	Nguyễn Vương Anh	Duy	21/08/1997	Đồng Nai	6	9	10	7	32	8.0	Đạt	
14	VHU.TAC1.04.014	161A140087	Nguyễn Nguyệt	Hà	28/07/1998	Bình Phước	5	1.5	10	4	20.5	5.1	Rớt	
15	VHU.TAC1.04.015	141A140054	Nguyễn Thị Thu	Hà	29/04/1996	TP. Hồ Chí Minh	5	8	5	6.5	24.5	6.1	Đạt	
16	VHU.TAC1.04.016	151A140184	Phan Lê Thúy	Hằng	15/05/1997	TP. Hồ Chí Minh	5	2	6.5	6	19.5	4.9	Rớt	
17	VHU.TAC1.04.017	161A140296	Lý Thị	Hạnh	13/04/1998	Bắc Kạn	5.5	7.5	7	5.5	25.5	6.4	Đạt	
18	VHU.TAC1.04.018	161A140557	Nguyễn Như Bích	Hạnh	17/07/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6	9.5	10	7	32.5	8.1	Đạt	
19	VHU.TAC1.04.019	161A140268	Giang Gia	Hào	18/11/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	6	7	4	23.5	5.9	Đạt	
20	VHU.TAC1.04.020	161A140226	Phan Nguyễn Như	Hào	28/10/1998	Đồng Tháp	5.5	10	8	5.5	29	7.3	Đạt	
21	VHU.TAC1.04.021	181A140024	Huỳnh Kim Cát	Hạo	15/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	4.5	8.5	7	26.5	6.6	Đạt	
22	VHU.TAC1.04.022	198A140001	Nguyễn Công	Hậu	17/07/1996	Tiền Giang	6	10	8.5	6.5	31	7.8	Đạt	
23	VHU.TAC1.04.023	171A140057	Nguyễn Thanh	Hiền	26/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	5	10	9.5	6	30.5	7.6	Đạt	
24	VHU.TAC1.04.024	151A140561	Nguyễn Ngọc	Hiếu	04/03/1997	Đồng Nai	5	4.5	9.5	6	25	6.3	Đạt	
25	VHU.TAC1.04.025	171A140409	Nguyễn Phan Thanh	Hoài	28/07/1997	Bình Định	6.5	9	10	6	31.5	7.9	Đạt	
26	VHU.TAC1.04.026	142A580059	Phạm Chuẩn	Hoành	25/05/1996	Đắk Lắk	7	4.5	6.5	6.5	24.5	6.1	Đạt	
27	VHU.TAC1.04.027	208A140005	Tạ Thành	Hưng	01/10/1984	Bà Rịa - Vũng Tàu	7.5	9.5	10	7	34	8.5	Đạt	
28	VHU.TAC1.04.028	181A140115	Tiêu Triệu	Hưng	24/10/2000	Tp. Hồ Chí Minh	6	8.5	7	5.5	27	6.8	Đạt	
29	VHU.TAC1.04.029	161A140007	Hồ Thị Trang	Huyền	03/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	4.5	3	10	6.5	24	6.0	Đạt	
30	VHU.TAC1.04.030	162A580021	Ngô Thị	Huyền	30/06/1997	Bà Rịa - Vũng Tàu	6.0	8.5	5	5	24.5	6.1	Đạt	
31	VHU.TAC1.04.031	161A140078	Nguyễn Thanh Mỹ	Huyền	16/10/1997	Đồng Nai	7.0	7.5	10	5	29.5	7.4	Đạt	
32	VHU.TAC1.04.032	171A140148	Nguyễn Thị Kim	Huyền	29/12/1999	Đồng Tháp	7.0	10	10	8	35.0	8.8	Đạt	
33	VHU.TAC1.04.033	181A140021	Phú Vũ	Khang	10/08/2000	Bạc Liêu	7.0	9.5	10	5	31.5	7.9	Đạt	
34	VHU.TAC1.04.034	151A030377	Nguyễn Vưu Phương	Khanh	10/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	7.5	10	10	7.5	35.0	8.8	Đạt	
35	VHU.TAC1.04.035	171A140037	Trần Ngọc	Khánh	07/08/1999	Tp. Hồ Chí Minh	8.5	10	10	7	35.5	8.9	Đạt	
36	VHU.TAC1.04.036	171A140289	Lê Thị Mỹ	Kim	20/05/1999	Lâm Đồng	8.3	9.5	8.5	4	30.3	7.6	Đạt	
37	VHU.TAC1.04.037	171A140239	Lê Thị Yến	Lê	02/03/1999	Tây Ninh	7.0	10	10	7	34.0	8.5	Đạt	
38	VHU.TAC1.04.038	208A140025	Lê Đức	Liêm	17/03/1973	Phú Yên	6.8	9.5	10	7	33.3	8.3	Đạt	
39	VHU.TAC1.04.039	161A140137	Đỗ Thị Kim	Liêu	03/04/1998	Quảng Ngãi	6.8	9.5	10	6.5	32.8	8.2	Đạt	
40	VHU.TAC1.04.040	151A140754	Cao Nguyễn Di	Linh	18/12/1997	Tây Ninh	6.0	7.5	9	6.5	29.0	7.3	Đạt	
41	VHU.TAC1.04.041	181A140189	Nguyễn Trần Thiên	Long	20/06/2000	Tp. Hồ Chí Minh	7.3	4.5	6.5	4.5	22.8	5.7	Đạt	
42	VHU.TAC1.04.042	151A140071	Trần Huỳnh Minh	Long	12/11/1997	Tp. Hồ Chí Minh	5.5	9.5	10	7.5	32.5	8.1	Đạt	
43	VHU.TAC1.04.043	181A140408	Nguyễn Thị Như	Mẫn	31/07/1999	Đồng Nai	7.8	10	10	5	32.8	8.2	Đạt	
44	VHU.TAC1.04.044	171A140203	Nguyễn Thị Hoài	Mơ	11/03/1999	Hà Tĩnh	8.0	10	10	7	35.0	8.8	Đạt	
45	VHU.TAC1.04.045	208A140024	Phan Thị Chiêu	Mỹ	19/12/1980	Tiền Giang	5.5	9.5	10	4	29.0	7.3	Đạt	
46	VHU.TAC1.04.046	161A140554	Đỗ Thị Tuyết	Nga	11/10/1998	Đồng Nai	6.3	10	10	6.5	32.8	8.2	Đạt	
47	VHU.TAC1.04.047	161A140179	Huỳnh Thị Bích	Ngân	02/10/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	10	10	6	32.5	8.1	Đạt	
48	VHU.TAC1.04.048	171A140251	Vũ Ngọc Trúc	Ngân	10/09/1999	Tp. Hồ Chí Minh	8.0	9	9.5	7	33.5	8.4	Đạt	
49	VHU.TAC1.04.049	171A140306	Nguyễn Thị Như	Ngọc	18/08/1999	Bà Rịa	8.0	9.5	10	7	34.5	8.6	Đạt	
50	VHU.TAC1.04.050	181A140503	Kim Trần Thảo	Nguyễn	15/02/1998	Bình Dương	6.8	9	9.5	7	32.3	8.1	Đạt	
51	VHU.TAC1.04.051	161A140304	Nguyễn Định Phương	Nguyễn	03/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	8.3	8.5	8.5	7.5	32.8	8.2	Đạt	
52	VHU.TAC1.04.052	171A140158	Nguyễn Thị Minh	Nguyễn	24/05/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6.3	10	9.5	6.5	32.3	8.1	Đạt	
53	VHU.TAC1.04.053	171A140128	Bùi Thị Tiểu	Nhi	12/09/1999	Bình Thuận	8.0	3	5	4.5	20.5	5.1	Đạt	
54	VHU.TAC1.04.054	171A150199	Nguyễn Thị Yến	Nhi	27/07/1997	Long An	7.3	10	10	7	34.3	8.6	Đạt	
55	VHU.TAC1.04.055	171A140317	Đào Nguyễn Quỳnh	Như	07/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	8.0	10	10	7	35.0	8.8	Đạt	
56	VHU.TAC1.04.056	171A140035	Từ Trang Quỳnh	Như	14/12/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7.3	7	7	7	28.3	7.1	Đạt	

Stt	Số báo danh	MSSV	Họ	Tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Điểm					Điểm TB	Kết quả	Ghi chú
							Nói	Nghe	Đọc	Viết	Tổng			
57	VHU.TAC1.04.057	161A140344	Lê Thị Hồng	Nhung	19/03/1998	Bình Thuận	7.5	7	7	5.5	27.0	6.8	Đạt	
58	VHU.TAC1.04.058	161A140410	Phạm Thị Hồng	Nhung	26/05/1997	Gia Lai	7.5	9	10	5	31.5	7.9	Đạt	
59	VHU.TAC1.04.059	171A140315	Nguyễn Thị	Nữ	18/01/1999	Khánh Hòa	5.5	10	9.65	7	32.2	8.0	Đạt	
60	VHU.TAC1.04.060	151A140648	Huỳnh Châu Đại	Phát	23/03/1997	Tp. Hồ Chí Minh	5	9.7	10	7	31.7	7.9	Đạt	
61	VHU.TAC1.04.061	151A030592	Nguyễn Cao	Phong	27/12/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	9.4	10	8.5	34.4	8.6	Đạt	
62	VHU.TAC1.04.062	171A140092	Đặng Hồng	Phúc	25/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7.5	6.1	7.95	8.5	30.1	7.5	Đạt	
63	VHU.TAC1.04.063	131A140126	Phan Hồng	Phúc	20/04/1995	Bình Định	6	8.4	8.95	9	32.4	8.1	Đạt	
64	VHU.TAC1.04.064	171A140091	Tăng Hữu	Phúc	21/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6	7.3	8.25	8.5	30.1	7.5	Đạt	
65	VHU.TAC1.04.065	161A140283	Huỳnh Nam	Phương	02/05/1998	Đồng Tháp	4.5	4	9.4	6.5	24.4	6.1	Đạt	
66	VHU.TAC1.04.066	161A140124	Nguyễn Thị Hồng	Phương	06/09/1998	Bình Thuận	5	7.9	9.35	6.5	28.8	7.2	Đạt	
67	VHU.TAC1.04.067	151A140528	Trương Thị Minh	Phương	23/08/1997	Đắk Lắk	5.5	7.7	8.65	6	27.9	7.0	Đạt	
68	VHU.TAC1.04.068	171A140034	Lê Thị Kim	Phượng	03/05/1999	Gia Lai	6.5	7.9	6.8	7.5	28.7	7.2	Đạt	
69	VHU.TAC1.04.069	161A140127	Trương Minh	Quốc	20/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	8.5	10	8.5	33.5	8.4	Đạt	
70	VHU.TAC1.04.070	191A170107	Lý Ngọc	Quyên	29/08/1997	An Giang	6	10	10	8	34.0	8.5	Đạt	
71	VHU.TAC1.04.071	161A140243	Nguyễn Hoàng	Rin	25/12/1998	Bình Thuận	V	1.9	3.6	8.5	14.0	3.5	Rớt	V: Vắng
72	VHU.TAC1.04.072	203A140004	Trần Thị Thanh	Tâm	25/08/1994	Tp. Hồ Chí Minh	7	4.8	8.35	7	27.2	6.8	Đạt	
73	VHU.TAC1.04.073	181A140051	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	13/02/1999	Tp. Hồ Chí Minh	6	9.4	10	7.5	32.9	8.2	Đạt	
74	VHU.TAC1.04.074	203A140001	Trần Quốc	Thần	13/04/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	6.2	7.4	7	27.1	6.8	Đạt	
75	VHU.TAC1.04.075	181A140498	A	Thảo	15/07/1994	Kon Tum	6	7.2	9.65	6.5	29.4	7.3	Đạt	
76	VHU.TAC1.04.076	141A140049	Hoàng Thị Phương	Thảo	06/10/1996	Thanh Hóa	5.5	9.2	8.6	7.5	30.8	7.7	Đạt	
77	VHU.TAC1.04.077	151A140492	Lê Trần Bích	Thảo	10/04/1997	Đắk Lắk	6	9.1	7.9	7	30.0	7.5	Đạt	
78	VHU.TAC1.04.078	208A140020	Nguyễn Thị Thanh	Thảo	21/10/1974	Tp. Hồ Chí Minh	4	8.5	9.3	8	29.8	7.5	Đạt	
79	VHU.TAC1.04.079	181A140217	Nguyễn Thị Thu	Thảo	20/08/1999	Bình Thuận	5	9.1	10	8.5	32.6	8.2	Đạt	
80	VHU.TAC1.04.080	208A140023	Nguyễn Thị Thu	Thảo	06/04/1974	Khánh Hoà	4	10	10	7.5	31.5	7.9	Đạt	
81	VHU.TAC1.04.081	151A140183	Thiều Hoàng Đại	Thịnh	25/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	5.6	3.65	6	21.8	5.4	Đạt	
82	VHU.TAC1.04.082	171A140190	Trần Thị Hồng	Thơ	18/08/1999	Tiền Giang	7	9.7	9.65	7.5	33.9	8.5	Đạt	
83	VHU.TAC1.04.083	161A140469	Trần Thị Kim	Thoại	07/03/1998	Tây Ninh	7	6	8.95	7	29.0	7.2	Đạt	
84	VHU.TAC1.04.084	161A140568	Nguyễn Thị	Thu	12/12/1998	Vĩnh Phúc	7	8.2	8.95	6.5	30.7	7.7	Đạt	
85	VHU.TAC1.04.085	161A140339	Dương Ngọc Minh	Thư	08/04/1997	Tp. Hồ Chí Minh	5	3.1	6.2	5.5	19.8	5.0	Đạt	
86	VHU.TAC1.04.086	181A140426	Vũ Nguyễn Anh	Thư	18/01/1999	Đắk Lắk	6	9.7	10	9	34.7	8.7	Đạt	
87	VHU.TAC1.04.087	161A140176	Đặng Ngọc	Thương	28/07/1998	Tp. Hồ Chí Minh	6	2.8	10	6	24.8	6.2	Rớt	
88	VHU.TAC1.04.088	171A140259	Lê Hoài	Thương	10/10/1999	Cà Mau	5	9.7	7.2	6.5	28.4	7.1	Đạt	
89	VHU.TAC1.04.089	151A140588	Nguyễn Thị Mỹ	Tiên	28/07/1997	Thủ Đức	8.5	2.9	6.25	7.5	25.2	6.3	Rớt	
90	VHU.TAC1.04.090	151A140684	Trịnh Võ Mạnh	Tiến	28/05/1997	Tp. Hồ Chí Minh	6.5	9.7	10	8	34.2	8.6	Đạt	
91	VHU.TAC1.04.091	161A140465	Lê Nguyễn Thuý	Trâm	15/01/1998	Bình Thuận	5.5	9.5	8	9	32.0	8.0	Đạt	
92	VHU.TAC1.04.092	208A140014	Lê Thanh	Trang	12/05/1982	Đồng Nai	5.25	9.7	10	6.5	31.5	7.9	Đạt	
93	VHU.TAC1.04.093	161A140476	Phạm Thị Kiều	Trang	08/03/1998	Quảng Ngãi	5	7.7	8.25	6.5	27.5	6.9	Đạt	
94	VHU.TAC1.04.094	161A140417	Phạm Thuý	Trang	31/08/1998	Tp. Hồ Chí Minh	8.25	7.9	9.3	7.5	33.0	8.2	Đạt	
95	VHU.TAC1.04.095	161A140012	Trần Hương	Trang	28/10/1996	Tp. Hồ Chí Minh	6.25	2.5	2.95	5	16.7	4.2	Rớt	
96	VHU.TAC1.04.096	171A140161	Nguyễn Thị	Tranh	29/04/1999	Tp. Hồ Chí Minh	7.25	9.7	9.65	8	34.6	8.7	Đạt	
97	VHU.TAC1.04.097	181A140407	A	Trảo	03/03/1998	Kon Tum	7	9.1	9.65	7.5	33.3	8.3	Đạt	
98	VHU.TAC1.04.098	171A140260	Lê Phan Phương	Trình	18/07/1999	Đắk Lắk	6.5	9.4	10	8	33.9	8.5	Đạt	
99	VHU.TAC1.04.099	171A140228	Lê Trọng Kiều	Trình	13/08/1999	Quảng Ngãi	7.25	7.8	8.35	8	31.4	7.9	Đạt	
100	VHU.TAC1.04.100	171A140310	Phạm Thị Phương	Trình	08/03/1999	Khánh Hòa	9	8.5	10	7.5	35.0	8.8	Đạt	
101	VHU.TAC1.04.101	181A140523	Trần Thị Thanh	Trúc	29/01/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7	9.4	10	8	34.4	8.6	Đạt	
102	VHU.TAC1.04.102	208A140022	Nguyễn Hữu	Trung	24/09/1980	An Giang	7.25	9.4	9.3	7.5	33.5	8.4	Đạt	
103	VHU.TAC1.04.103	151A140637	Đặng Xuân	Trường	08/09/1997	Tp. Hồ Chí Minh	7.25	9.1	9.65	7.5	33.5	8.4	Đạt	
104	VHU.TAC1.04.104	151A140514	Lê Bội	Tuyền	25/01/1997	Tp. Hồ Chí Minh	8	9.1	9.65	6.5	33.3	8.3	Đạt	
105	VHU.TAC1.04.105	171A140240	Lê Hoàng Nhật	Uyên	01/06/1998	Đắk Lắk	7.5	8.6	8.95	9	34.1	8.5	Đạt	
106	VHU.TAC1.04.106	151A140476	Lê Hoàng	Vân	09/09/1997	Tp. Hồ Chí Minh	8.75	8.8	10	6.5	34.1	8.5	Đạt	
107	VHU.TAC1.04.107	161A140560	Trương Tường	Vi	12/12/1998	Tp. Hồ Chí Minh	7.5	9.4	10	7	33.9	8.5	Đạt	
108	VHU.TAC1.04.108	171A140261	Châu Thanh	Vũ	24/11/1998	Gia Lai	7.25	9.4	10	8	34.7	8.7	Đạt	
109	VHU.TAC1.04.109	171A140241	Nguyễn Ngọc	Vy	19/01/1999	Tp. Hồ Chí Minh	8	9.7	10	6.5	34.2	8.6	Đạt	
110	VHU.TAC1.04.110	181A140386	Nguyễn Ngọc Lan	Vy	26/03/2000	Tp. Hồ Chí Minh	8.25	9.7	10	8	36.0	9.0	Đạt	
111	VHU.TAC1.04.111	161A140418	Võ Ngọc Thảo	Vy	22/05/1998	Tp. Hồ Chí Minh	8	9.7	9.4	5.5	32.6	8.2	Đạt	
112	VHU.TAC1.04.112	151A140699	Lê Nguyễn Hồng	Vy	12/08/1997	Tp. Hồ Chí Minh	8.5	9.4	10	7.5	35.4	8.9	Đạt	
113	VHU.TAC1.04.113	171A140125	Hồ Trần Hà	Yên	14/10/1999	Tp. Hồ Chí Minh	8.5	9.4	9.7	9	36.6	9.2	Đạt	
114	VHU.TAC1.04.114	181A140484	Phan Thị Phương	Yên	09/04/2000	Tây Ninh	8.75	9.4	10	8	36.2	9.0	Đạt	
115	VHU.TAC1.04.115	151A140431	Nguyễn Thị Ngọc	Yến	13/07/1997	Hải Dương	7.75	10	8.15	6.5	32.4	8.1	Đạt	

Tổng số thí sinh theo danh sách: 115
Số thí sinh vắng kiểm tra: 00
Số thí sinh dự kiểm tra: 115
Số thí sinh rớt: 06
Số thí sinh đạt: 109

HIỆU TRƯỞNG

(Đã ký)

TS. TỪ MINH THIÊN